

M12 齐平电感式接近开关 2-8 mm



M12齐平电感式接近开关，M12 螺纹外壳。额定检测距离 2 / 4 / 6 / 8 mm；NPN、PNP、直流两线、交直流输出；2 米电缆、M12 接头、M12 猪尾式。共 329 个料号，每个料号对应一个固定配置。

检测距离 **2-8 mm** 输出 **NPN · PNP · 直流两线 · 交直流**

连接方式 **2 米电缆 · M12 接头 · M12 猪尾式** 料号数 **329**

要点

- 它是一种M12 螺纹外壳的接近开关，能不接触检测金属目标。齐平安装时感应面可与周围金属平齐。按西格门料号数据，SGI-GP12S 系列额定检测距离为 2 / 4 / 6 / 8 mm。
- 额定检测距离：2 / 4 / 6 / 8 mm。
- 工作电压：10-30 V DC、5-36 V DC、10-55 V DC、10-60 V DC、20-250 V AC/DC。
- 输出：NPN、PNP、直流两线、交直流。其中 68 个 NPN/PNP 型号为常开 + 常闭互补输出。
- 连接方式：2 米电缆（159 个）、M12 接头（148 个）、M12 猪尾式（22 个）；外壳：黄铜镀镍（323 个）、黄铜，特氟龙涂层（1 个）。160 个型号为短型或超短型管长。
- 验证样品 1-5 件，5-7 个工作日；批量按年用量排产。

族参数

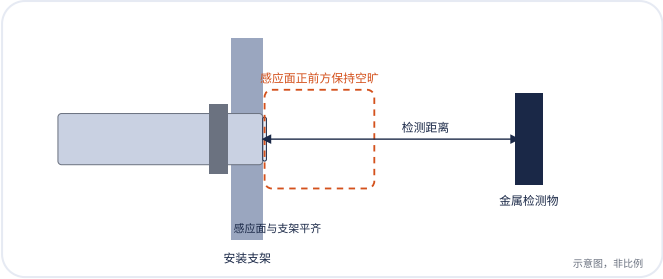
外壳	M12 螺纹，黄铜镀镍（323 个）、黄铜，特氟龙涂层（1 个）
安装方式	齐平、准齐平（可埋入式）
额定检测距离	2 / 4 / 6 / 8 mm
输出	NPN、PNP、直流两线、交直流
工作电压	10-30 V DC、5-36 V DC、10-55 V DC、10-60 V DC、20-250 V AC/DC
连接方式	2 米电缆、M12 接头、M12 猪尾式
管长	标准管长、短型（K）、超短型（KK）
其他电气参数	见各料号规格书，随报价提供

料号说明

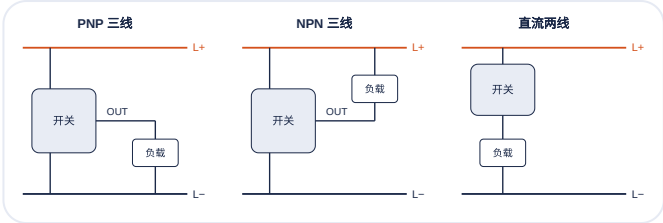
SGI-GP12S-060PA-C2-K-V36

SGI	西格门电感式接近开关	GP	通用标准型系列
12 · S	M12 齐平（U = 非齐平）	060	检测距离，单位 0.1 mm：6 mm
P · A	PNP · 常开（N = NPN，P = PNP，D = 直流两线，J = 交流两线，U = 交直流；A = 常开，B = 常闭，C = 常开 + 常闭）	C2	C2 = 2 米电缆，Q4 = M12 接头，P4 = M12 猪尾式
K · V36	K = 短型管长；KK = 超短型管长；V36 = 5-36 V DC；V55 = 10-55 V DC；3W = 交直流三线电缆；NPN/PNP 无电压代码 = 10-30 V DC		

安装方式



接线



全部料号

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-020NA-C2-K	齐平	2 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NA-C2-KK	齐平	2 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-020NA-C2	齐平	2 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	未列出	标准管长
SGI-GP12S-020NA-Q4-K	齐平	2 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NA-Q4	齐平	2 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NA-P4-KK	齐平	2 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-020NA-P4	齐平	2 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NA-C2-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NA-C2-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NA-Q4-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NA-Q4-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NA-P4-V36	齐平	2 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NA-C2-K-V55	齐平	2 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NA-C2-V55	齐平	2 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NA-Q4-K-V55	齐平	2 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NA-Q4-V55	齐平	2 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NA-P4-V55	齐平	2 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NB-C2-K	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NB-C2-KK	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-020NB-C2	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NB-Q4-K	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NB-Q4	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NB-P4-KK	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-020NB-P4	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NB-C2-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NB-C2-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-020NB-Q4-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NB-Q4-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NB-P4-V36	齐平	2 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NB-C2-K-V55	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NB-C2-V55	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NB-Q4-K-V55	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NB-Q4-V55	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NB-P4-V55	齐平	2 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NC-C2-K	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NC-C2	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NC-Q4-K	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NC-Q4	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NC-P4	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NC-C2-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NC-C2-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NC-Q4-K-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020NC-Q4-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020NC-P4-V36	齐平	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PA-C2-K	齐平	2 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PA-C2-KK	齐平	2 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-020PA-C2	齐平	2 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	未列出	标准管长
SGI-GP12S-020PA-Q4-K	齐平	2 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PA-Q4	齐平	2 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PA-P4-KK	齐平	2 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-020PA-P4	齐平	2 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PA-C2-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PA-C2-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PA-Q4-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PA-Q4-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PA-P4-V36	齐平	2 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PA-C2-K-V55	齐平	2 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-020PA-C2-V55	齐平	2 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PA-Q4-K-V55	齐平	2 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PA-Q4-V55	齐平	2 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PA-P4-V55	齐平	2 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PB-C2-K	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PB-C2-KK	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-020PB-C2	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PB-Q4-K	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PB-Q4	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PB-P4-KK	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-020PB-P4	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PB-C2-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PB-C2-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PB-Q4-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PB-Q4-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PB-P4-V36	齐平	2 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PB-C2-K-V55	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PB-C2-V55	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PB-Q4-K-V55	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PB-Q4-V55	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PB-P4-V55	齐平	2 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PC-C2-K	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PC-C2	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PC-Q4-K	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PC-Q4	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PC-P4	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PC-C2-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PC-C2-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PC-Q4-K-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020PC-Q4-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020PC-P4-V36	齐平	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-020DA-C2-K	齐平	2 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020DA-C2	齐平	2 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	未列出	标准管长
SGI-GP12S-020DA-Q4-K	齐平	2 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020DA-Q4	齐平	2 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020DA-P4	齐平	2 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020DB-C2-K	齐平	2 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020DB-C2	齐平	2 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020DB-Q4-K	齐平	2 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-020DB-Q4	齐平	2 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020DB-P4	齐平	2 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 猪尾式	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020UA-C2-3W	齐平	2 mm	交直流 常开	20-250 V AC/DC	2 米电缆 (三线)	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020UA-Q4	齐平	2 mm	交直流 常开	20-250 V AC/DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020UB-C2-3W	齐平	2 mm	交直流 常闭	20-250 V AC/DC	2 米电缆 (三线)	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-020UB-Q4	齐平	2 mm	交直流 常闭	20-250 V AC/DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NA-C2-K	齐平	4 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NA-C2-KK	齐平	4 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-040NA-C2	齐平	4 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	未列出	标准管长
SGI-GP12S-040NA-Q4-K	齐平	4 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NA-Q4	齐平	4 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NA-C2-K-V36	齐平	4 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NA-Q4-K-V36	齐平	4 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NA-Q4-V36	齐平	4 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NA-C2-K-V55	齐平	4 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NA-C2-V55	齐平	4 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NA-Q4-K-V55	齐平	4 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NA-Q4-V55	齐平	4 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NB-C2-K	齐平	4 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NB-C2-KK	齐平	4 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-040NB-C2	齐平	4 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NB-Q4-K	齐平	4 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NB-Q4	齐平	4 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NB-C2-K-V36	齐平	4 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NB-C2-V36	齐平	4 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NB-Q4-K-V36	齐平	4 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NB-Q4-V36	齐平	4 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NB-C2-K-V55	齐平	4 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NB-C2-V55	齐平	4 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NB-Q4-K-V55	齐平	4 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NB-Q4-V55	齐平	4 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NC-C2-K	齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NC-C2	齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NC-Q4-K	齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NC-Q4	齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NC-C2-K-V36	齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NC-C2-V36	齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040NC-Q4-K-V36	齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040NC-Q4-V36	齐平	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PA-C2-K	齐平	4 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PA-C2-KK	齐平	4 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-040PA-C2	齐平	4 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	未列出	标准管长
SGI-GP12S-040PA-Q4-KK	齐平	4 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-040PA-Q4	齐平	4 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PA-C2-K-V36	齐平	4 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PA-C2-V36	齐平	4 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PA-Q4-K-V36	齐平	4 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PA-Q4-V36	齐平	4 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PA-C2-K-V55	齐平	4 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PA-C2-V55	齐平	4 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PA-Q4-K-V55	齐平	4 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PA-Q4-V55	齐平	4 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PB-C2-K	齐平	4 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-040PB-C2-KK	齐平	4 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-040PB-C2	齐平	4 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PB-Q4-K	齐平	4 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PB-Q4	齐平	4 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PB-C2-K-V36	齐平	4 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PB-C2-V36	齐平	4 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PB-Q4-K-V36	齐平	4 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PB-Q4-V36	齐平	4 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PB-C2-K-V55	齐平	4 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PB-C2-V55	齐平	4 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PB-Q4-K-V55	齐平	4 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PB-Q4-V55	齐平	4 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PC-C2-K	齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PC-C2	齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PC-Q4-K	齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PC-Q4	齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PC-C2-K-V36	齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PC-C2-V36	齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040PC-Q4-K-V36	齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040PC-Q4-V36	齐平	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040DA-C2-K	齐平	4 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040DA-C2	齐平	4 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040DA-Q4-K	齐平	4 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040DA-Q4	齐平	4 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040DB-C2-K	齐平	4 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040DB-C2	齐平	4 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040DB-Q4-K	齐平	4 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-040DB-Q4	齐平	4 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-040UA-C2-3W	齐平	4 mm	交直流 常开	20-250 V AC/DC	2 米电缆（三线）	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040UA-Q4	齐平	4 mm	交直流 常开	20-250 V AC/DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040UB-C2-3W	齐平	4 mm	交直流 常闭	20-250 V AC/DC	2 米电缆（三线）	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-040UB-Q4	齐平	4 mm	交直流 常闭	20-250 V AC/DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PB-C2-KK	齐平	6 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-060NA-C2-K	准齐平	6 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NA-C2-KK	准齐平	6 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-060NA-C2	准齐平	6 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NA-Q4-K	准齐平	6 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NA-Q4	准齐平	6 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NA-C2-K-V36	准齐平	6 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NA-C2-V36	准齐平	6 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NA-Q4-K-V36	准齐平	6 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NA-Q4-V36	准齐平	6 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NA-C2-K-V55	准齐平	6 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NA-C2-V55	准齐平	6 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NA-Q4-K-V55	准齐平	6 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NA-Q4-V55	准齐平	6 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NB-C2-K	准齐平	6 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NB-C2-KK	准齐平	6 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-060NB-C2	准齐平	6 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NB-Q4-K	准齐平	6 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NB-Q4	准齐平	6 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-060NB-C2-K-V36	准齐平	6 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NB-C2-V36	准齐平	6 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NB-Q4-K-V36	准齐平	6 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NB-Q4-V36	准齐平	6 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NB-C2-K-V55	准齐平	6 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NB-C2-V55	准齐平	6 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NB-Q4-K-V55	准齐平	6 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NB-Q4-V55	准齐平	6 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NC-C2-K	准齐平	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NC-C2	准齐平	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NC-Q4-K	准齐平	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NC-Q4	准齐平	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NC-C2-K-V36	准齐平	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NC-C2-V36	准齐平	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060NC-Q4-K-V36	准齐平	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060NC-Q4-V36	准齐平	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PA-C2-K	准齐平	6 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PA-C2-KK	准齐平	6 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型 (KK)
SGI-GP12S-060PA-C2	准齐平	6 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PA-Q4-K	准齐平	6 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PA-Q4	准齐平	6 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PA-C2-K-V36	准齐平	6 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PA-C2-V36	准齐平	6 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-060PA-Q4-K-V36	准齐平	6 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PA-Q4-V36	准齐平	6 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PA-C2-K-V55	准齐平	6 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PA-C2-V55	准齐平	6 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PA-Q4-K-V55	准齐平	6 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PA-Q4-V55	准齐平	6 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PB-C2-K	准齐平	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PB-C2	准齐平	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PB-Q4-K	准齐平	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PB-Q4	准齐平	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PB-C2-K-V36	准齐平	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PB-C2-V36	准齐平	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PB-Q4-K-V36	准齐平	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PB-Q4-V36	准齐平	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PB-C2-K-V55	准齐平	6 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PB-C2-V55	准齐平	6 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PB-Q4-K-V55	准齐平	6 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PB-Q4-V55	准齐平	6 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PC-C2-K	准齐平	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PC-C2	准齐平	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PC-Q4-K	准齐平	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PC-Q4	准齐平	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PC-C2-K-V36	准齐平	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-060PC-C2-V36	准齐平	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060PC-Q4-K-V36	准齐平	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060PC-Q4-V36	准齐平	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060DA-C2-K	准齐平	6 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060DA-C2	准齐平	6 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060DA-Q4-K	准齐平	6 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060DA-Q4	准齐平	6 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060DB-C2-K	准齐平	6 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060DB-C2	准齐平	6 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-060DB-Q4-K	准齐平	6 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-060DB-Q4	准齐平	6 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NA-C2-K	准齐平	8 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NA-C2	准齐平	8 mm	NPN 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NA-Q4-K	准齐平	8 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NA-Q4	准齐平	8 mm	NPN 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NA-C2-K-V36	准齐平	8 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NA-C2-V36	准齐平	8 mm	NPN 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NA-Q4-K-V36	准齐平	8 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NA-Q4-V36	准齐平	8 mm	NPN 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NA-C2-K-V55	准齐平	8 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NA-C2-V55	准齐平	8 mm	NPN 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NA-Q4-K-V55	准齐平	8 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NA-Q4-V55	准齐平	8 mm	NPN 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-080NB-C2-K	准齐平	8 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NB-C2	准齐平	8 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NB-Q4-K	准齐平	8 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NB-Q4	准齐平	8 mm	NPN 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NB-C2-K-V36	准齐平	8 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NB-C2-V36	准齐平	8 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NB-Q4-K-V36	准齐平	8 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NB-Q4-V36	准齐平	8 mm	NPN 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NB-C2-K-V55	准齐平	8 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NB-C2-V55	准齐平	8 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NB-Q4-K-V55	准齐平	8 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NB-Q4-V55	准齐平	8 mm	NPN 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NC-C2-K	准齐平	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NC-C2	准齐平	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NC-Q4-K	准齐平	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NC-Q4	准齐平	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NC-C2-K-V36	准齐平	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NC-C2-V36	准齐平	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080NC-Q4-K-V36	准齐平	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080NC-Q4-V36	准齐平	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PA-C2-K	准齐平	8 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PA-C2	准齐平	8 mm	PNP 常开	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PA-Q4-K	准齐平	8 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-080PA-Q4	准齐平	8 mm	PNP 常开	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PA-C2-K-V36	准齐平	8 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PA-C2-V36	准齐平	8 mm	PNP 常开	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PA-Q4-K-V36	准齐平	8 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PA-Q4-V36	准齐平	8 mm	PNP 常开	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PA-C2-K-V55	准齐平	8 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PA-C2-V55	准齐平	8 mm	PNP 常开	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PA-Q4-K-V55	准齐平	8 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PA-Q4-V55	准齐平	8 mm	PNP 常开	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PB-C2-K	准齐平	8 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PB-C2	准齐平	8 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PB-Q4-K	准齐平	8 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PB-Q4	准齐平	8 mm	PNP 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PB-C2-K-V36	准齐平	8 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PB-C2-V36	准齐平	8 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PB-Q4-K-V36	准齐平	8 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PB-Q4-V36	准齐平	8 mm	PNP 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PB-C2-K-V55	准齐平	8 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PB-C2-V55	准齐平	8 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PB-Q4-K-V55	准齐平	8 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PB-Q4-V55	准齐平	8 mm	PNP 常闭	10-55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PC-C2-K	准齐平	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PC-C2	准齐平	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长

料号	安装	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP12S-080PC-Q4-K	准齐平	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PC-Q4	准齐平	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10-30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PC-C2-K-V36	准齐平	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PC-C2-V36	准齐平	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080PC-Q4-K-V36	准齐平	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080PC-Q4-V36	准齐平	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5-36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080DA-C2-K	准齐平	8 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080DA-C2	准齐平	8 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜, 特氟龙涂层	标准管长
SGI-GP12S-080DA-Q4-K	准齐平	8 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080DA-Q4	准齐平	8 mm	直流两线 常开	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080DB-C2-K	准齐平	8 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080DB-C2	准齐平	8 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP12S-080DB-Q4-K	准齐平	8 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型 (K)
SGI-GP12S-080DB-Q4	准齐平	8 mm	直流两线 常闭	10-60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长

常见问题

M12 接近开关的齐平是什么意思？

齐平型（屏蔽型）可以与周围金属平齐安装，感应面正前方保持空旷即可。本系列准齐平型号额定检测距离 6 / 8 mm，安装间距以尺寸图为准。

有哪些检测距离？

本系列共 329 个料号，额定检测距离：2 / 4 / 6 / 8 mm。

有哪些工作电压？

本系列工作电压：10-30 V DC、5-36 V DC、10-55 V DC、10-60 V DC、20-250 V AC/DC。

有哪些连接方式？

连接方式：2 米电缆（159 个型号）、M12 接头（148 个型号）、M12 猪尾式（22 个型号）。

可以直接用西格门料号下单吗？

可以。每个料号对应一个固定配置。在型号表中点“询价”或在表单中填写料号，规格书和交期随报价确认。

西格门（深圳）工业发展有限公司

网址 www.segmensensor.com.cn • 邮箱 info@segmensensor.com • 电话 / 微信 138 2870 4591（张工）
<https://segmensensor.com.cn/products/proximity-sensors/m12-qi-ping/>

本规格书由 <https://segmentsensor.com.cn/products/proximity-sensors/m12-qi-ping/> 页面内容生成（2026-10-19）。参数如有更新，以订货确认为准。